

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số:
Ngày:
Chuyên:
05-06-2026

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

Kính gửi: Sở Xây dựng Thành Phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Thực hiện công văn số 1707/SXD-KTVLXD ngày 15/01/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc triển khai, phổ biến quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN KỸ THUẬT GTC công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN KỸ THUẬT GTC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0312277663, đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 05 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ: 7 ngày 05 tháng 02 năm 2025 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1901, Toà nhà SaiGon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0312277663

Email: info@gtc-co.com

Website: <https://gtc-co.com/>

Người đại diện pháp luật: **VÕ VĂN TRƯỜNG** Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 028 351 080 20 - 028 351 087 08

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0312277663

1.2. Thông tin Phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm và kiểm định chất lượng công

trình

Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1227

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tầng 3, số 24 Đặng Thai Mai, phường Cầu Kiệu, TP.HCM

Trưởng phòng thí nghiệm: NGUYỄN HOÀN VŨ

Điện thoại: 0989 100 041 Email: vu.nguyen@gtc-co.com

1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: (Không có)

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm – tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, dụng cụ, thiết bị
1	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp chụp ảnh phóng xạ - RT	TCVN 4395:1986, ISO 5817:2023, ISO 17636-1:2022, ISO 9712:2021, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-2023, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5 :2020, AWS D1.6 :2017, JIS Z 3104 :1995, ASTM E94/E94M-22	Thiết bị chụp ảnh phóng xạ sử dụng Nguồn phóng xạ Ir-192. Máy đo liều, Máy đo độ đen, Đèn đọc Film
2	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp siêu âm - UT	TCVN 6735:2018, TCVN 1548:1987, ASTM E164-23, E797/E797M-21, EN ISO 10160:2022, EN ISO 17640:2018, ISO 11666:2018, EN ISO 9712:2021, ISO 13588:2022, ISO 18563-1:2022, ISO	Máy siêu âm đường hàn, Chất tiếp âm(couplant), Đầu dò siêu âm, Mẫu chuẩn

		18563-2:2022, ISO 18563-3:2022, ISO 19285:2017, ISO 5817:2023, ISO 16809:2019, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	
3	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp siêu âm mảng pha - PAUT	TCVN 6735:2018, TCVN 1548:1987; EN ISO 10160:2022, ISO 17640:2018, ISO 9712:2021, ISO 5817:2023, 13588:2022, ISO 18563-1,2,3:2022, ISO 19285:2017, ISO 16809:2019, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	Máy siêu âm mảng pha (PAUT Instrument), Đầu dò PAUT (Phased Array Probe), Nêm đầu dò (Wedge), Bộ mã hóa hành trình (Encoder), Scanner quét PAUT, Mẫu chuẩn
4	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp từ tính - MT	TCVN 4396:1986, ISO 9934-1:2016, ISO 9934-2:2015, ISO 9934-3:2015, ISO 17638:2016, ISO 23278:2015, ISO 5817:2023, ISO	Máy thử từ (gông từ), Dụng dịch SM-15, Dụng dịch MP-35, Mẫu chuẩn

		17635:2016 và ISO 17638:2016; ISO 9712:2021,ASTM E709-21, ASTM /E1444M-22, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	
5	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp thâm thấu - PT	TCVN 4617:1998; EN ISO 3452-1:2021, ISO 3452 -1,2,3:2021; ISO 5817:2023; ISO 23277:2015, ASTM E165/E165M-23, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025,ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	Dung dịch Mega check Treatment, Dung dịch Mega check Developer, Dung dịch Mega check Penetrant.
6	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp hút chân không	JIS Z2355:2018, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	Hộp hút chân không (Vacuum Box) , Bơm chân không (Vacuum Pump) , Đồng hồ đo áp suất chân không (Vacuum Gauge), Bình dung dịch tạo bọt (Soap Solution Applicator) , Ống dẫn chân không , Van điều chỉnh áp suất

7	Kiểm tra thành phần hoá tính vật liệu/ kim loại	ASTM E572-23, ASTM E1086-22, ASTM E415-24, API RP 578:2023, ISO 9712:2021, API 650:2020, ASME Sec II-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-2023, ASME B31.3-2023	Máy PMI, Mẫu chuẩn
8	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp trực quan - VT	TCVN 7507:2005, ISO 5817:2023, EN ISO 17637:2016, EN ISO 13018:2016, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	Đèn kiểm tra VT Kính lúp kiểm tra mối hàn Gương kiểm tra mối hàn Camera kỹ thuật số Thước thép Thước cặp Thước lá Thước đo mối hàn
9	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- phương pháp kiểm tra chiều dày bằng siêu âm - UTM	ASTM E797/E797M- 21, API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	Máy đo chiều dày siêu âm Đầu dò đo chiều dày Block chuẩn chiều dày Chất tiếp âm (Couplant) Máy mài làm sạch bề mặt
10	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- Phương pháp kiểm tra đo độ cứng- HT	API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS	Máy đo độ cứng Đầu dò Mẫu chuẩn Máy mài bề mặt Thước cặp

		D1.6:2017.	
11	Kiểm tra không phá huỷ mối hàn- Phương pháp dòng điện xoáy ECT/RFT/IRIS	ISO 9712:2021 , ISO 15548-1:2013, ISO 15548-2:2013, ISO 15548-3:2013 API 1104:2021, API 650:2020, ASME Sec V-2025, ASME Sec VIII-2025, ASME B31.1-23, ASME B31.3-2023, AWS D1.1:2025, AWS D1.5:2020, AWS D1.6:2017.	Máy Eddy Current Đầu dò Eddy Current Mẫu chuẩn Eddy Current Cáp kết nối Máy RFT Đầu dò RFT Ống mẫu chuẩn RFT

2.2. Danh mục các thiết bị: (Phụ lục I đính kèm)

2.3. Danh sách thí nghiệm viên

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Bằng cấp & chứng chỉ
I . Quản lý phòng thí nghiệm				
1	Võ Văn Trường	1972	Giám Đốc	1. Thạc sĩ kỹ thuật.
2	Nguyễn Hoàn Vũ	1981	TP. Thí nghiệm	1. Kỹ sư thiết kế tàu thủy. 2. Chứng chỉ NDT bậc 3: Kiểm tra Siêu âm(UT)-Kiểm tra Chụp ảnh phóng xạ(RT)-Kiểm tra Từ tính(MT)-Kiểm tra Thẩm thấu(PT)-Kiểm tra Trực quan(VT).
II . Nhân viên phòng thí nghiệm				
1	Nguyễn Tấn Sang	1997	Thí nghiệm viên	1. Cử nhân kỹ thuật hạt nhân. 2. Chứng chỉ NDT bậc 2: Kiểm tra Siêu âm(UT)-Kiểm tra Chụp ảnh phóng

				xạ(RT)-Kiểm tra Từ tính(MT)-Kiểm tra Thẩm thấu(PT).
2	Phạm Thành Nhân	2002	Thí nghiệm viên	1. Cao đẳng Kỹ sư thực hành 2. Chứng chỉ NDT bậc 2: Kiểm tra Từ tính(MT)-Kiểm tra Thẩm thấu(PT).
3	Phan Bảo Việt	2002	Thí nghiệm viên	1. Bằng tốt nghiệp THPT 2. Chứng chỉ NDT bậc 2: Kiểm tra Siêu âm(UT)-Kiểm tra Từ tính(MT)-Kiểm tra Thẩm thấu(PT).
4	Nguyễn Hải Đăng	2000	Thí nghiệm viên	1. Kỹ sư kỹ thuật dầu khí 2. Chứng chỉ NDT bậc 2: Kiểm tra Siêu âm(UT)-Kiểm tra Từ tính(MT)
5	Nguyễn Nhật Nam	1997	Thí nghiệm viên	1. Bằng tốt nghiệp THPT 2. Chứng chỉ NDT bậc 2: Kiểm tra Siêu âm(UT)-Kiểm tra Từ tính(MT).
6	Huỳnh Phi Điền	1997	Thí nghiệm viên	1. Kỹ sư Bảo dưỡng Công nghiệp 2. Chứng chỉ NDT bậc 2: Kiểm tra Siêu âm(UT)-Kiểm tra Từ tính(MT).
7	Lê Thanh Sứ	1985	Thí nghiệm viên	1. Bằng tốt nghiệp THPT 2. Chứng chỉ NDT bậc 2: Kiểm tra Chụp ảnh phóng xạ(RT)-Kiểm tra Từ tính(MT)-Kiểm tra Thẩm thấu(PT).

3. Công Ty TNHH Tư vấn kỹ thuật GTC chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Sở Xây dựng(đăng tải website);
Lưu VT (Công ty TNHH Tư Vấn
Kỹ Thuật ngày 05/ 06 / 2026)

Vô Vân Trường



PHỤ LỤC I

DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ CỦA CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN KỸ THUẬT GTC

(Kèm theo thông báo số 002/2026/CBNL-GTC ngày 05/06 / 2026)

STT	Tên thiết bị	Mã/Serial	Chứng chỉ số	Ngày hiệu chuẩn	Hạn hiệu chuẩn	Chu kỳ kiểm định	Phép thử sử dụng	Tình trạng
1	Gông từ	JM2-0094	QH.CLAB/CERT/MT-2608	27/01/2026	26/01/2027	1 năm	Phương pháp từ tính- MT	Còn hiệu lực
2	Máy siêu âm	100036510	QH.CLAB/CERT/UT-2605	27/01/2026	26/01/2027	1 năm	Phương pháp siêu âm - UT	Còn hiệu lực
3	Máy đo bề dày kim loại	231966807	HG322625	17/4/2026	16/4/2027	1 năm	Đo chiều dày	Còn hiệu lực
4	Thiết bị chụp ảnh phóng xạ bằng nguồn Gamma	Số :D13831 Nguồn phóng xạ Ir-192	1057/GP-ATBXHN	01/10/2025	01/10/2028	1 năm	Phương pháp chụp ảnh phóng xạ- RT	Còn hiệu lực
5	Máy đo liêu	00407	039/TTATBX - HC - 2026	06/04/2026	06/04/2027	1 năm	Phương pháp chụp	Còn hiệu lực



							ảnh phóng xạ- RT	
6	Máy đo độ đen	GDD2666	QH.CLAB/CERT/TD- 2602	27/01/2026	26/01/2027	1 năm	Phương pháp chụp ảnh phóng xạ- RT	Còn hiệu lực
7	Máy siêu âm màng pha PAUT	I022619	PA-D0680	12/02/2026	11/02/2027	1 năm	Phương pháp siêu âm màng pha	Còn hiệu lực
8	Đồng hồ áp suất âm (Vacuum Gauge)	GTC/NDT/VC/003	HG320417	12/08/2025	12/08/2026	1 năm	Phương pháp hút chân không	Còn hiệu lực
9	Máy phân tích thành phần kim loại, vật liệu	542960	HG323021	18/05/2026	18/05/2027	1 năm	Kiểm tra thành phần hoá tính vật liệu	Còn hiệu lực
10	Máy đo độ cứng	006.911.0921	HG323067	20/05/2026	20/05/2027	1 năm	Phương pháp kiểm tra đo độ cứng vật liệu	Còn hiệu lực

ĐẠI DIỆN

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

(Ký tên, đóng dấu)



Giám đốc

Võ Văn Trường

